TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Hoàng Việt.
2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng
2. Bị đơn: Ông Lâm Hoàng X, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Lý Thị K, sinh năm 1956 (có mặt)
Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng
- Ông Phan Thanh T (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018 nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc D trình bày: Vào năm 2016 bà D và ông X tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, quyển số 01/2016 ngày 16 tháng 11 năm 2016.

Sau khi kết hôn bà D và ông X về sống tại nhà cha mẹ ruột bà D tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do ông X thường xuyên uống

rượu, không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình, nên bất đồng quan điểm sống. Ông X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của ông X ở từ tháng 01/2018, bà và ông X cũng không còn chung sống từ tháng 01/2018 đến nay. Bà D nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Xu.

Trong thời gian chung sống bà và ông X không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà mua được 01 chiếc xe wave, biển số 83F4 8709 giá 5.000.000 đồng, hiện nay do ông X đang quản lý và sử dụng.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống bà và ông X có làm ruộng hai vụ lúa trong năm 2017, bà D và ông X có nợ tiền thuê ruộng của mẹ ruột bà D là bà Lý Thị K là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), nợ tiền mua phân bón của ông Phan Thanh T trong 02 vụ lúa năm 2017 là 10.000.000 đồng. Tổng số nợ chung là 18.000.000 đồng.

Bà Đào Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Hoàng X. Con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Yêu cầu chia hai chiếc xe wave mang biển số 83F4 8709 trị giá 5.000.000 đồng, bà yêu cầu được nhận giá trị xe là 2.500.000 đồng. Về nợ chung, yêu cầu chia đôi phần nợ chung là 18.000.000 đồng, bà và ông X mỗi người có trả nợ chung là 9.000.000 đồng cho bà K và ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 10/7/2018 bà Đào Thị Ngọc D xin rút lại yêu cầu chia tài sản và nợ chung khi ly hôn. Tại phiên tòa, bà Diệu yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ky hôn với ông X. Con chung không có, không yêu cầu giải quyết. Tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lâm Hoàng X, nhưng ông X không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng thời ông X cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lý Thị K trình bày: bà là mẹ ruột của bà Đào Thị Ngọc D, vợ chồng bà D, ông X có nợ của bà số tiền 8.000.000 đồng, bà K sẽ tự thỏa thuận với bà Đào Thị Ngọc D, không yêu cầu bà D, ông X trả số tiền trên trong vụ án này.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Thanh T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Thanh T chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Lâm Hoàng X, ông Phan Thanh T nhưng ông X, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lâm Hoàng X và ông Phan Thanh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ngọc D, nhận thấy bà D và ông X tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, ngày 16/01/2016. Quan hệ hôn nhân của bà D và ông X không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến tháng 01/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông X thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Hiện bà D nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng nên có nguyện vọng ly hôn. Bà D và ông X đã không còn chung sống từ tháng 01/2018 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà D suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông X nhưng bà D vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đào Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lâm Hoàng X.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà D và ông X không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà D trình bày nợ chung 18.000.000 đồng, trong đó bợ của bà Lý Thị K 8.000.000 đồng và nợ ông Phan Thanh T 10.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lâm Thị K trình bày sẽ tự thỏa thuận với bà D về khoản nợ 8.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 351/TB-TA ngày 10/7/2019 về việc yêu cầu ông Phan Thanh T thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập đối với số nợ 10.000.000 đồng của bà D, ông X nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết số nợ chung của bà D, ông X trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Đào Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lâm Hoàng X.

- Về con chung: bà Đào Thị Ngọc D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Đào Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009636, ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Lâm Hoàng X không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Văn, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh